

DANH SÁCH THU TIỀN

Đợt 1 tháng 11/2025 - Lớp: D 1

STT	Mã học sinh	Họ và tên	Thông tin khác	Bán trú		Tiền ăn bán trú			Sữa học đường			Tổng số tiền của đợt	Tiền thừa được trừ	Số đã thu của đợt	Số còn phải thu	Ghi chú
				SL	Thành tiền	Đăng ký	Tồn sd	Số tiền	Đăng ký	Tồn sd	Số tiền					
1	NAN011901169	Trần Tuệ An		1	110.000	16		320.000	16		86.400	516.400			516.400	
2	NAN011901170	Trần Bảo An		1	110.000	17		340.000	17		91.800	541.800			541.800	
3	NAN011901171	Nguyễn Thị Ngọc Anh		1	110.000	17		340.000	17		91.800	541.800			541.800	
4	NAN011901172	Trần Hà Anh		1	110.000	2		40.000	7		37.800	187.800			187.800	
5	NAN011901173	Nguyễn Duy Anh		1	110.000	14		280.000	8		43.200	433.200			433.200	
6	NAN011901174	Nguyễn Bảo Chi		1	110.000	17		340.000	17		91.800	541.800			541.800	
7	NAN011901175	Trần Hải Đăng		1	110.000	1		20.000				130.000			130.000	
8	NAN011901176	Nguyễn Đức Minh Đoàn		1	110.000							110.000			110.000	
9	NAN011901177	Nguyễn Văn Duy		1	110.000	12		240.000	12		64.800	414.800			414.800	
10	NAN011901178	Nguyễn Thị Thanh Hà		1	110.000	13		260.000	17		57.375	427.375			427.375	
11	NAN011901179	Nguyễn Thị Gia Hân		1	110.000	17		340.000	17		91.800	541.800			541.800	
12	NAN011901180	Trần Thị Thu Hiền		1	110.000	17		340.000	17		91.800	541.800			541.800	
13	NAN011901181	Nguyễn Nam Khánh		1	110.000	14		280.000	14		75.600	465.600			465.600	
14	NAN011901182	Nguyễn Thị Bảo Ngọc		1	110.000	17		340.000	17		91.800	541.800			541.800	
15	NAN011901183	Nguyễn Thị Bảo Ngọc		1	110.000	11		220.000	15		81.000	411.000			411.000	
16	NAN011901184	Nguyễn Thị Hồng Ngọc		1	110.000	15		300.000	15		81.000	491.000			491.000	

STT	Mã học sinh	Họ và tên	Thông tin khác	Bán trú		Tiền ăn bán trú			Sữa học đường			Tổng số tiền của đợt	Tiền thừa được trừ	Số đã thu của đợt	Số còn phải thu	Ghi chú
				SL	Thành tiền	Đăng ký	Tồn sd	Số tiền	Đăng ký	Tồn sd	Số tiền					
17	NAN011901185	Trần Khôi Nguyên		1	110.000	17		340.000	17		91.800	541.800			541.800	
18	NAN011901186	Chu Lộc Phát		1	110.000	14		280.000	14		75.600	465.600			465.600	
19	NAN011901187	Trần Văn Phát		1	110.000	16		320.000	15		81.000	511.000			511.000	
20	NAN011901188	Nguyễn Hữu Quyết		1	110.000	15		300.000	15		81.000	491.000			491.000	
21	NAN011901189	Nguyễn My Sa		1	110.000	16		320.000	16		86.400	516.400			516.400	
22	NAN011901190	Nguyễn Đoàn Thịnh		1	110.000	16		320.000	16		86.400	516.400			516.400	
23	NAN011901191	Trần Quỳnh Như		1	110.000	17		340.000	17		91.800	541.800			541.800	
24	NAN011901192	Nguyễn Quỳnh Trang		1	110.000	12		240.000	17		91.800	441.800			441.800	
25	NAN011901193	Nguyễn Thị Huyền Trang		1	110.000	13		260.000	13		70.200	440.200			440.200	
26	NAN011901194	Nguyễn Khôi Vỹ		1	110.000	11		220.000				330.000			330.000	
27	NAN011901195	Nguyễn Trịnh Thảo Vân		1	110.000	17		340.000	17		91.800	541.800			541.800	
28	NAN011901196	Nguyễn Phi Thường		1	110.000	12		240.000	12		64.800	414.800			414.800	
29	NAN011901197	Nguyễn Văn Viết Phong		1	110.000	17		340.000	17		91.800	541.800			541.800	
30	NAN011901198	Nguyễn Phương Thảo		1	110.000	17		340.000	17		91.800	541.800			541.800	
31	NAN011901159	Ngô Bảo Nam		1	110.000	1		20.000				130.000			130.000	
Tổng cộng				31	3.410.000	411		8.220.000	409		2.174.175	13.804.175			13.804.175	

Bảng chữ:

....., Ngày tháng năm

Ban Giám Hiệu

Người lập biểu